

THE EFFECT OF GOVERNANCE AND PUBLIC ADMINISTRATION ON LIVING STANDARDS IN VIETNAM FROM 2018 TO 2021

Nguyen Hoang Anh^{1*}, Trinh Thi Huong²

¹Vinschool Ocean Park Secondary & High School, Hanoi

²Thuongmai University, Hanoi

| ARTICLE INFO | ABSTRACT |
|---|---|
| <p>Received: 14/3/2023</p> <p>Revised: 15/5/2023</p> <p>Published: 15/5/2023</p> | <p>Household living standards are essential indicators of national development and attract a lot of attention from both authorities and citizens. In this study, we analyze how governance and public administration have influenced the living standard of residents in 63 cities and provinces in Vietnam during the period of 2018 to 2021. We used compositional data analysis to analyze data obtained from the statistical yearbook of Vietnam and the Vietnam Provincial Governance and Public Administration Performance Index (PAPI) from 2018 to 2021. The results indicate that better governance and public administration positively correlate with higher living standard. To be more specific, rate of poverty decreases whereas average income increases when PAPI score exceeds a certain threshold. Moreover, our study indentifies several factors significantly affecting Vietnamese living standards, including provincial investment, population density, and number of tourists, etc. These findings provide valuable scientific evidence for researchers and authorities to plan for improvement in local living standards.</p> |
| <p>KEYWORDS</p> <p>Governance and public administration</p> <p>Living standard</p> <p>Vietnam</p> <p>Investment</p> <p>Compositional data analysis</p> | |

TÁC ĐỘNG CỦA QUẢN TRỊ – HÀNH CHÍNH CÔNG ĐẾN MỨC SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2018 - 2021

Nguyễn Hoàng Anh^{1*}, Trịnh Thị Hương²

¹Trường Trung học Vinschool Ocean Park, Hà Nội

²Trường Đại học Thương mại, Hà Nội

| THÔNG TIN BÀI BÁO | TÓM TẮT |
|--|---|
| <p>Ngày nhận bài: 14/3/2023</p> <p>Ngày hoàn thiện: 15/5/2023</p> <p>Ngày đăng: 15/5/2023</p> | <p>Mức sống dân cư là một chỉ tiêu quan trọng của mỗi quốc gia và thu hút sự quan tâm từ chính quyền và người dân. Trong nghiên cứu này, các tác giả phân tích sự tác động của quản trị – hành chính công tới mức sống của người dân ở 63 tỉnh thành của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2018 tới năm 2021. Phương pháp phân tích đa hợp được sử dụng để phân tích bộ dữ liệu tổng hợp từ niên giám thống kê Việt Nam và chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2018 - 2021. Các kết quả chỉ ra năng lực quản trị và hành chính công hiệu quả có tác động dương mức sống của người dân địa phương. Cụ thể, tỉ lệ nghèo giảm và thu nhập bình quân tăng khi chỉ số PAPI vượt ngưỡng. Bên cạnh đó, nghiên cứu chỉ ra một số yếu tố ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê tới mức sống của người dân Việt Nam, bao gồm vốn đầu tư, mật độ dân số, lượng khách du lịch... tại mỗi tỉnh thành. Những kết quả này bổ sung các bằng chứng khoa học có giá trị cho các nhà nghiên cứu và chính quyền địa phương xây dựng chiến lược phát triển để cải thiện mức sống của dân cư trong khu vực.</p> |
| <p>TỪ KHÓA</p> <p>Quản trị và hành chính công</p> <p>Mức sống</p> <p>Việt Nam</p> <p>Vốn đầu tư</p> <p>Phương pháp phân tích đa hợp</p> | |

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.7525>

* Corresponding author. Email: n.hoanganh2212@gmail.com

1. Giới thiệu

Hiệu quả quản trị và hành chính công và tăng trưởng kinh tế là một trong những quan tâm chính của Chính phủ Việt Nam, các cơ quan trực thuộc chính phủ, các tổ chức, các nhà quản lý và các nhà nghiên cứu kinh tế. Tăng trưởng kinh tế bền vững với các nhiệm vụ xóa nghèo, xóa đói, cuộc sống khỏe mạnh là những mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals, SDG) giai đoạn 2015 - 2030 mà Chính phủ Việt Nam cam kết tham gia [1]. Tương tự, mục tiêu xây dựng và phát triển các thể chế mạnh mẽ, hiệu quả và có trách nhiệm ở tất cả các cấp thuộc mục tiêu phát triển bền vững số 16 [1]. Trên thế giới, mối quan hệ giữa quản trị công đến nâng cao thu nhập và cải thiện nghèo đói đã được nghiên cứu trong lý thuyết mô hình kinh tế và mô hình quản trị [2]. Đặc biệt, mối quan hệ này được nghiên cứu nhiều hơn tại các nước đang phát triển do tác động nhiều chiều của quản trị công có thể thúc đẩy hoặc làm suy giảm sự tăng trưởng kinh tế [3]–[5]. Báo cáo về ảnh hưởng hoạt động của các cấp chính quyền tại Việt Nam đến chỉ tiêu phát triển cấp tỉnh, việc làm và thu nhập của người dân được tiến hành thường xuyên thông qua hệ thống chỉ tiêu quốc gia nhằm tăng cường hiệu quả của bộ máy hành pháp [6]–[8]. Nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã khẳng định chất lượng quản trị công cấp tỉnh, thông qua Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) hoặc chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), có ảnh hưởng giúp giảm tỷ lệ nghèo đói và nâng cao thu nhập cấp tỉnh và thu nhập hộ gia đình trong giai đoạn 2012 - 2016 [9], [10]. Bên cạnh đó, quản trị hành chính công cấp tỉnh cũng có tác động dương đến khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính và việc làm, từ đó tăng thu nhập hộ gia đình trong nghiên cứu năm 2018 [11]. Mối quan hệ này cần được bổ sung nghiên cứu thường xuyên do sự phức tạp trong tác động của quản trị và hành chính công và sự thay đổi bối cảnh kinh tế – xã hội tại các địa phương và cả nước trong giai đoạn mới.

Chỉ số PAPI cung cấp công cụ đánh giá hiệu quả về hiệu suất hoạt động của bộ máy hành chính các cấp tại Việt Nam và nâng cao hiệu quả quản trị [12], từ đó ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kinh tế tại Việt Nam [3], [5]. PAPI là chỉ số tổng hợp từ các tiêu chí (gọi là các trục nội dung), nên các nghiên cứu thường được đánh giá thông qua hai mô hình riêng biệt: chỉ số tổng và chỉ số đơn lẻ của từng nội dung. Với sự sẵn có của dữ liệu PAPI, nhiều nhà nghiên cứu thực nghiệm đã tiến hành nghiên cứu ảnh hưởng của chỉ số PAPI tổng và của các trục nội dung đến chỉ tiêu tăng trưởng cấp tỉnh, phúc lợi của hộ gia đình và các nhóm thu nhập khác nhau [9], [13]. Cụ thể, tăng 1% chỉ số PAPI có tác động giảm tỷ lệ nghèo đói cấp tỉnh từ 1,3 - 1,8% tùy theo nhóm thu nhập của tỉnh năm 2014 [9], [12]. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chưa xem xét đến sự tương tác của từng chỉ số riêng lẻ trong chỉ số tổng PAPI đến các chỉ tiêu kinh tế. Thông qua việc xem xét 8 trục nội dung của hệ số PAPI là một vector đa hợp, nhóm tác giả nghiên cứu mô hình hồi quy đa hợp với ưu điểm cho phép kết hợp đặc điểm của các thành phần và cả chỉ số tổng trong cùng một mô hình [14].

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng số liệu quản trị công PAPI cấp tỉnh và các chỉ tiêu kinh tế xã hội cấp tỉnh để nghiên cứu tác động vĩ mô và vi mô của quản trị công đến các chỉ số phát triển kinh tế xã hội [3], [8]. Chúng tôi áp dụng mô hình phân tích số liệu đa hợp (Compositional data analysis, CoDa) để phân tích số liệu kết hợp cả chỉ số tổng và tỉ lệ các thành phần của PAPI, cập nhật trong giai đoạn 2018 - 2021. Cụ thể, nghiên cứu này tập trung hai vấn đề chính:

i. Chỉ số PAPI có tác động như thế nào đến sự tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 2018 - 2021 khi xem xét biểu hiện dựa trên hai chỉ tiêu là thu nhập bình quân đầu người theo tháng cấp tỉnh và tỉ lệ hộ nghèo?

ii. Tiêu chí nào của chỉ số tổng hợp PAPI có tầm quan trọng hơn để thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế cấp tỉnh?

Từ đó, kết quả thực nghiệm nhằm cung cấp căn cứ khoa học cho việc khuyến nghị chính sách và hoạch định chiến lược phát triển nhằm nâng cao chất lượng đời sống nhân dân mỗi địa phương.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Dữ liệu nghiên cứu

Nhóm tác giả sử dụng dữ liệu điều tra thứ cấp cấp tỉnh: Niên giám thống kê 63 tỉnh thành 2021 [15] và dữ liệu Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh từ năm 2018 đến năm 2021 [16].

Niên giám thống kê 63 tỉnh thành là các ấn phẩm được Cục thống kê mỗi tỉnh thành xuất bản hằng năm nhằm đưa ra thông tin cơ bản, khái quát tình hình kinh tế – xã hội của mỗi địa phương trong năm đó. Niên giám thống kê 2021 cũng bao gồm các dữ liệu về một số chỉ tiêu trong giai đoạn 2018 - 2021 nhằm đưa ra so sánh, đánh giá mức độ tăng trưởng. Chúng tôi sử dụng các thông tin từ niên giám thống kê bao gồm: lượng vốn đầu tư trong hoạt động hành chính – dịch vụ hỗ trợ, công tác Đảng – chính trị, giáo dục – đào tạo, y tế – dịch vụ xã hội; số lượng chợ, số lượng khách du lịch, mật độ dân số, thu nhập bình quân đầu người theo tháng và tỉ lệ hộ nghèo.

Chỉ số PAPI được thu thập định kỳ hàng năm bởi Trung tâm Nghiên cứu Phát triển – Hỗ trợ Cộng đồng, Công ty Phân tích Thời gian thực và Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ năm 2011 dựa trên phản hồi của người dân về chất lượng quản trị và hành chính công. Hiện nay, PAPI bao gồm 8 thành phần: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở (Tiêu chí 1); Công khai, minh bạch (Tiêu chí 2); Trách nhiệm giải trình với người dân (Tiêu chí 3); Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công (Tiêu chí 4); Thủ tục hành chính công (Tiêu chí 5); Cung ứng dịch vụ công (Tiêu chí 6); Quản trị môi trường (Tiêu chí 7); Quản trị điện tử (Tiêu chí 8). Từ các thành phần này, PAPI được tổng hợp bằng cách cộng tổng không có trọng số. Đây là kênh quan trọng để đánh giá hiệu quả thực thi quyền hành pháp của bộ máy chính quyền.

2.2. Phương pháp thống kê mô tả

Thống kê mô tả là các phương pháp đo lường, diễn giải và trực quan hoá dữ liệu của một tổng thể hay một mẫu. Thống kê mô tả cung cấp các chỉ số như số trung bình, số trung vị và một (mode) thể hiện xu thế trung tâm; hay phương sai, độ lệch chuẩn, khoảng biến thiên và tứ phân vị thể hiện mức độ phân tán của tập hợp dữ liệu cho trước.

Dữ liệu được mô tả bằng nhiều cách, trong đó hai kỹ thuật cơ bản nhất là biểu diễn bằng bảng số liệu và biểu diễn bằng biểu đồ, đồ thị.

2.3. Phương pháp phân tích đa hợp

Phương pháp phân tích CoDa dùng để phân tích các số liệu có dạng tổng của các thành phần, được áp dụng trong phân tích nhiều mối quan hệ kinh tế – xã hội gần đây [17], [18].

Xét biến quan sát PAPI và 8 thành phần của PAPI, kí hiệu $V = (v_1, v_2, \dots, v_8)$ và $PAPI = v_1 + v_2 + \dots + v_8$. Khi đó, vector CoDa, tương ứng là

$$S = \left(\frac{v_1}{PAPI}, \frac{v_2}{PAPI}, \dots, \frac{v_8}{PAPI} \right) = (s_1, s_2, \dots, s_8) \quad (1)$$

Sử dụng chuyển đổi logarit đẳng cự (ILR), tương tự như các nghiên cứu trước đây [18], [19], vector ILR gồm 7 thành phần được xây dựng từ vector CoDa như sau:

$$ILR_1 = \sqrt{\frac{7}{8}} \ln \frac{s_1}{\sqrt[7]{s_2 s_3 \dots s_8}}; \quad ILR_2 = \sqrt{\frac{6}{7}} \ln \frac{s_2}{\sqrt[6]{s_3 s_4 \dots s_8}}; \quad \dots; \quad ILR_8 = \sqrt{\frac{1}{2}} \ln \frac{s_7}{s_8} \quad (2)$$

Xét mô hình hồi quy có biến đa hợp như sau:

$$Y_{i,t} = a_0 + a_1 \log PAPI_{i,t} + a_2 \log^2 PAPI_{i,t} + \sum_{j=1}^7 b_j ILR_{j,i,t} + \sum_m c_m X_{m,i,t} + \varepsilon_{i,t} \quad (3)$$

trong đó, với i là chỉ số chỉ các tỉnh và t là chỉ số chỉ các năm từ 2018 tới 2021:

- Biến $Y_{i,t}$ là biến phụ thuộc, tương ứng là tỉ lệ hộ nghèo cấp tỉnh (%) trong mô hình 1 và logarit thu nhập bình quân đầu người (TNBQ) trong mô hình 2;

- Biến $PAPI_{i,t}$ là chỉ số PAPI;

- Biến $X_{m,i,t}$ là các biến như số chợ, số lượt khách du lịch, mật độ dân số, vốn đầu tư theo các phân ngành hành chính công – dịch vụ hỗ trợ, Đảng – chính trị, giáo dục – đào tạo, y tế – dịch vụ xã hội.

- Các hệ số a_0, a_1, a_2, b_j, c_m là các ước lượng cần tìm. $\varepsilon \sim \mathcal{N}(0; \sigma^2)$ là tham số nhiễu.

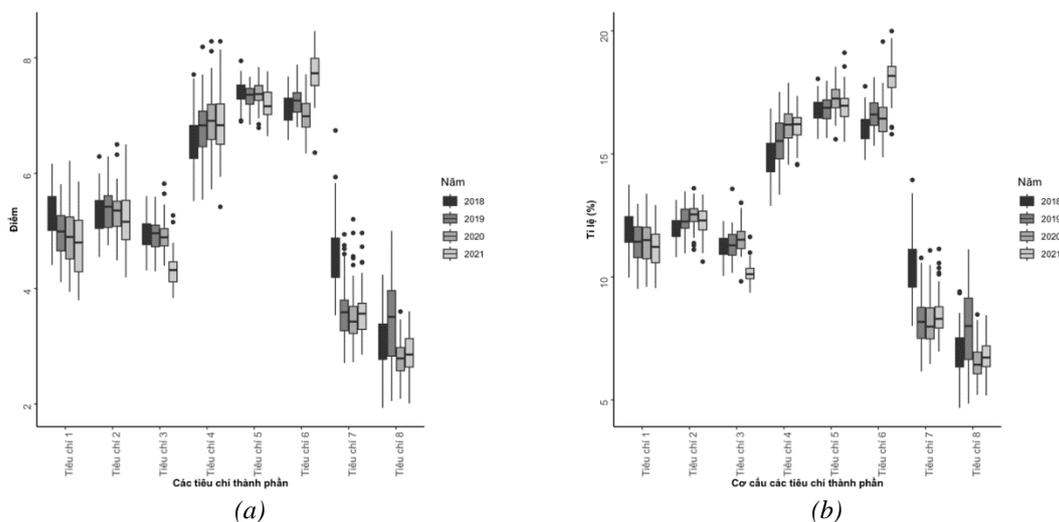
Có nhiều cách để xây dựng chuyển đổi ILR đối với vectơ (1) [14]. Tuy nhiên với mỗi chuyển đổi ILR, hệ số ước lượng của mô hình (3) đối với các biến thông thường (không phải các chuyển đổi ILR) được giải thích như trong trường hợp mô hình hồi quy đa biến thông thường, tức là giữ các yếu tố khác không đổi và xem xét sự thay đổi của từng nhân tố.

Đối với tác động của các thành phần của PAPI thông qua chuyển đổi ILR, chúng tôi sử dụng cách giải thích gián tiếp, tức là giao hoán các thành phần của vectơ S để từng thành phần của S ở vị trí tử số của ILR_1 (như công thức 2 ứng với thành phần s_1). Khi đó, các hệ số hồi quy của mô hình (3) là bất biến trong các chuyển đổi giao hoán này [20]. Khi đó, hệ số của ILR_1 có mối quan hệ cùng chiều với tỉ trọng s_1 , theo nghĩa hệ số hồi quy \widehat{b}_1 dương được giải thích là tăng tỉ trọng s_1 (tương ứng tăng ILR_1 khi giữ cố định mẫu số của ILR) có tác động dương đến biến đầu ra Y .

Các kết quả trong bài báo được thực hiện trên phần mềm mã nguồn mở Rstudio, các gói lệnh: compositions, ggplot2, tidyverse.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Chỉ số PAPI và các yếu tố kinh tế – xã hội năm 2018 - 2021



Hình 1. Biểu đồ hộp về các tiêu chí thành phần của PAPI từ năm 2018 đến năm 2021 theo (a) giá trị điểm từng tiêu chí và (b) cơ cấu của từng tiêu chí

Trong giai đoạn 2018 - 2021, điểm PAPI của 63 tỉnh thành đa số duy trì ở mức 41 – 45 điểm trên thang điểm 80. Trung bình số PAPI giảm nhẹ từ 44,24 năm 2018 xuống 42,59 năm 2021 (Bảng 1). Từ Hình 1(b), phân bố điểm của mỗi nhóm tiêu chí không thay đổi nhiều qua các năm: nhóm tiêu chí liên quan tới người dân (Tiêu chí 1, 2, 3) có điểm trung bình 4,93 – 5,33 và chiếm tỉ trọng 10 – 15% trong PAPI; nhóm tiêu chí liên quan đến hoạt động hành chính công (Tiêu chí 4, 5, 6) có điểm trung bình 6,76 – 7,36 điểm và chiếm tỉ trọng 15 – 20%; nhóm tiêu chí liên quan tới quản trị (Tiêu chí 7, 8) có điểm trung bình 3,17 – 3,82 điểm và chiếm tỉ lệ dưới 10%. Mỗi tiêu chí đều có sự biến động, có thể lí giải bởi yêu cầu ngày càng cao của người dân về chất lượng quản trị và hành chính công. Bên cạnh đó, đại dịch COVID-19 từ cuối năm 2019 gây nhiều khó khăn trong việc triển khai, thi hành các chính sách, chủ trương của các cấp chính quyền hay tổ chức hoạt động công phần nào gây ảnh hưởng tới phản hồi của người dân trong tổng PAPI. Tiêu chí 7 về quản trị môi trường có điểm đánh giá giảm rõ rệt, thể hiện qua việc chất lượng không khí và chất lượng nước không tốt cùng với ý thức bảo vệ môi trường của người dân còn nhiều hạn chế, đặc biệt ở các tỉnh công nghiệp và các thành phố lớn, tập trung đông dân cư. Đây là một nhược điểm song hành cùng quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Thống kê các biến quan sát cấp tỉnh về một số yếu tố kinh tế – xã hội năm 2018 - 2021 được trình bày trong Bảng 1. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình của các tỉnh giảm khoảng 1% qua mỗi năm trong khi mật độ dân số của các tỉnh đều tăng. Trong các năm 2020 và 2021, thu nhập bình quân đầu người, số lượng khách du lịch tới các địa phương và vốn đầu tư trên địa bàn trong hoạt động hành chính – dịch vụ hỗ trợ và giáo dục – đào tạo có xu hướng giảm. Ngược lại, số lượng chợ được duy trì ổn định trong thời kì. Đồng thời, vốn đầu tư cấp tỉnh trong hoạt động y tế và trợ giúp xã hội tăng khoảng 10% qua mỗi năm. Đây là minh chứng rõ ràng cho việc phân đầu thực hiện mục tiêu kép, vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế – xã hội, của các địa phương và cả nước Việt Nam trong thời kì đại dịch COVID-19.

Bảng 1. Thống kê các biến quan sát cấp tỉnh năm 2018 – 2021

| Biến quan sát | Năm | | | | |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2018 - 2021 |
| Số quan sát | 63 | 63 | 63 | 63 | 252 |
| Hộ nghèo (%) | 9,83 (10,12) | 8,52 (9,07) | 7,59 (8,39) | 6,95 (7,85) | 8,22 (8,91) |
| TNBQ (nghìn đồng) | 3468,43 (1191,68) | 3721,16 (1279,48) | 3634,77 (1133,62) | 3630,66 (1062,26) | 3613,75 (1166,06) |
| PAPI | 44,24 (1,71) | 43,62 (1,55) | 42,78 (1,81) | 42,59 (2,29) | 43,30 (1,97) |
| Logarit của PAPI | 3,79 (0,04) | 3,77 (0,04) | 3,76 (0,04) | 3,75 (0,05) | 3,77 (0,05) |
| Số lượng chợ | 134,52 (78,49) | 134,92 (77,87) | 136,21 (88,96) | 135,70 (87,50) | 135,34 (82,86) |
| Số lượng khách du lịch (nghìn người) | 67,20 (214,44) | 74,82 (243,29) | 54,18 (165,67) | 40,16 (123,42) | 59,09 (191,56) |
| Mật độ dân số (người/km) | 500,95 (634,42) | 514,44 (670,87) | 521,00 (684,16) | 524,68 (679,43) | 515,27 (663,57) |
| Vốn đầu tư trong hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ (tỉ đồng) | 305,27 (930,46) | 336,65 (1024,72) | 340,67 (921,38) | 320,95 (945,26) | 325,88 (950,70) |
| Vốn đầu tư trong hoạt động Đảng và chính trị (tỉ đồng) | 976,78 (1225,80) | 1020,35 (1437,53) | 1199,57 (1747,10) | 1211,44 (1858,02) | 1102,04 (1580,92) |
| Vốn đầu tư trong hoạt động giáo dục và đào tạo (tỉ đồng) | 1043,97 (1301,87) | 1172,63 (1487,73) | 1302,98 (2137,17) | 1147,83 (1933,60) | 1166,85 (1739,44) |
| Vốn đầu tư trong hoạt động y tế và trợ giúp xã hội (tỉ đồng) | 773,76 (1345,77) | 864,65 (1535,77) | 982,30 (1777,54) | 1045,63 (1972,74) | 916,58 (1668,17) |

Chú thích: giá trị trung bình, trong ngoặc là độ lệch chuẩn.

3.2. Tác động của quản trị – hành chính công đến mức sống của người dân Việt Nam

Bảng 2 thể hiện kết quả trong mô hình hồi quy với tác động cố định tương ứng với từng biến phụ thuộc là tỉ lệ nghèo (đơn vị %) và logarit TNBQ. Hệ số R bình phương hiệu chỉnh của hai mô hình tương ứng là 78% và 83%. Kết quả kiểm định về đa cộng tuyến cho thấy mô hình phù hợp và mô hình không có hiện tượng phương sai sai số thay đổi với mức ý nghĩa 0,01. Hệ số hồi quy của các hệ số chuyển đổi ILR được thể hiện trong Bảng 3.

Bảng 2. Thống kê các biến quan sát cấp tỉnh năm 2018 – 2021

| | Mô hình 1 (Biến phụ thuộc là tỉ lệ hộ nghèo cấp tỉnh) | | | Mô hình 2 (Biến phụ thuộc là logarit TNBQ) | | |
|-------------------------------------|--|------------------|-----------|---|------------------|-----------|
| | Hệ số | Độ lệch chuẩn | P-giá trị | Hệ số | Độ lệch chuẩn | P-giá trị |
| Hệ số chặn | -8422,08 | 5058,77 | 0,10 | 324,65 | 158,88 | 0,05 |
| Logarit của PAPI | 4545,52 | 2688,79 | 0,10 | -167,62 | 84,45 | 0,05 |
| Bình phương của logarit của PAPI | -610,37 | 357,08 | 0,09 | 22,15 | 11,21 | 0,05 |

| | Mô hình 1 (Biến phụ thuộc là tỉ lệ hộ nghèo cấp tỉnh) | | | Mô hình 2 (Biến phụ thuộc là logarit TNBQ) | | |
|--|--|---|-----------|---|--|-----------|
| | Hệ số | Độ lệch chuẩn | P-giá trị | Hệ số | Độ lệch chuẩn | P-giá trị |
| Logarit số lượng chợ | -1,58 | 1,53 | 0,31 | -0,06 | 0,05 | 0,2 |
| Logarit số lượng khách du lịch | -2,12 | 0,81 | 0,01 | 0,06 | 0,03 | 0,03 |
| Logarit mật độ dân số | -3,59 | 0,95 | < 0,001 | 0,19 | 0,03 | < 0,001 |
| Logarit vốn đầu tư trên địa bàn trong hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ | -0,66 | 0,74 | 0,38 | 0,05 | 0,02 | 0,04 |
| Logarit vốn đầu tư trên địa bàn trong hoạt động Đảng và chính trị | 0,76 | 0,83 | 0,36 | 0,00 | 0,03 | 0,9 |
| Logarit vốn đầu tư trên địa bàn trong hoạt động giáo dục - đào tạo | 2,37 | 0,78 | < 0,001 | -0,04 | 0,02 | 0,09 |
| Logarit vốn đầu tư trên địa bàn trong hoạt động y tế và trợ giúp xã hội | 0,94 | 0,88 | 0,29 | -0,02 | 0,03 | 0,43 |
| R bình phương | | 0,84 | | | 0,88 | |
| R bình phương hiệu chỉnh | | 0,78 | | | 0,83 | |
| Kiểm định F | | F-thống kê = 14,6792 với 16 và 46 bậc tự do, p-value: < 0,001 | | | F-thống kê = 20,4517 với 16 và 46 bậc tự do, p-value: < 0,0001 | |

Ghi chú: Mô hình có kiểm soát đối với các biến quan sát là các trục nội dung của PAPI và được đưa vào mô hình thông qua 7 chuyển đổi logarit đẳng cự ILR. Kết quả ước lượng của các biến quan sát và độ phù hợp của mô hình trong bảng này không thay đổi khi giao hoán các trục nội dung trong chuyển đổi ILR.

Đối với mô hình 1, để ước lượng tác động của quản trị và hành chính công đối với tỉ lệ hộ nghèo tại các tỉnh, các ước lượng có ý nghĩa thống kê, trong đó, hệ số logarit của PAPI dương và hệ số của bình phương logarit của PAPI âm (mức ý nghĩa 10%). Kết quả này cho thấy tác động của logarit của PAPI tới tỉ lệ hộ nghèo có dạng đồ thị chữ U ngược và đạt cực đại tại giá trị 3,72: logarit của PAPI lớn hơn 3,72 có tác động ngược chiều, làm giảm tỉ lệ hộ nghèo và ngược lại, logarit của PAPI nhỏ hơn 3,72 gây tăng tỉ lệ hộ nghèo. Trong toàn bộ quan sát từ 2018 - 2021, giá trị 3,72 của logarit của PAPI (PAPI khoảng 41,41 điểm) tương ứng với mức phân vị 10%. Do đó, kết quả mô hình hồi quy cho thấy điểm số PAPI tăng có tác động giảm tỉ lệ hộ nghèo tại hầu hết các tỉnh thành của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu này tương tự như nghiên cứu trong giai đoạn 2012 - 2014, tuy nhiên, chỉ số ngưỡng của điểm số PAPI trong nghiên cứu này cao hơn nghiên cứu đã tiến hành [9], [21].

Tương tự, đối với mô hình 2, với biến phụ thuộc là logarit bình quân thu nhập đầu người theo tháng cấp tỉnh, mức ý nghĩa 10% với hệ số của logarit PAPI âm và hệ số của bình phương logarit của PAPI dương. Từ đó, tác động của logarit PAPI đến logarit bình quân thu nhập đầu người có dạng hình chữ U với cực tiểu tại giá trị 3,78. Điểm cực tiểu này lớn hơn điểm cực đại trong mô hình đã phân tích ở trên. Giải thích tương tự, giá trị 3,78 (PAPI khoảng 43,98 điểm) khá gần trung bình logarit PAPI trong mẫu số liệu và tương ứng với mức phân vị 60% của logarit PAPI. Vì vậy, tại các tỉnh có chỉ số quản trị PAPI lớn hơn ngưỡng 43,98 điểm, điểm PAPI càng cao thì thu nhập càng tốt. Ngược lại, đối với các tỉnh có điểm PAPI thấp dưới ngưỡng điểm này, tăng chỉ số PAPI có thể dẫn đến việc giảm thu nhập bình quân của người dân.

Bên cạnh đó, Bảng 2 chỉ ra rằng số lượng khách du lịch và mật độ dân số tăng có tác động tích cực tới kinh tế một địa phương, biểu hiện qua việc giảm tỉ lệ hộ nghèo và tăng thu nhập bình quân cấp tỉnh với mức ý nghĩa đáng kể. Vốn đầu tư trên địa bàn trong hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ cũng gây ảnh hưởng tích cực đến thu nhập bình quân đầu người (mức ý nghĩa 5%). So với nghiên cứu năm 2012, nhóm tác giả đã không tìm thấy tác động dương của vốn đầu tư đối với chỉ tiêu cấp tỉnh [9].

Bảng 3. Kết quả ước lượng trực nội dung của PAPI thông qua chuyển đổi ILR

| | Mô hình 1 (Biến đầu ra là tỉ lệ hộ nghèo cấp tỉnh) | | Mô hình 2 (Biến đầu ra là logarit thu nhập bình quân đầu người cấp tỉnh) | |
|------------|--|------------------|--|------------------|
| | Ước lượng | P-giá trị | Ước lượng | P-giá trị |
| Tiêu chí 1 | -5,36 | 0,76 | -0,27 | 0,61 |
| Tiêu chí 2 | 63,75 | 0,01 | -0,16 | 0,84 |
| Tiêu chí 3 | -20,14 | 0,29 | 0,27 | 0,65 |
| Tiêu chí 4 | -96,34 | < 0,001 | 2,76 | < 0,001 |
| Tiêu chí 5 | 67,19 | 0,06 | -2,05 | 0,06 |
| Tiêu chí 6 | -36,56 | 0,08 | -0,44 | 0,49 |
| Tiêu chí 7 | 36,5 | < 0,001 | -0,8 | 0,01 |
| Tiêu chí 8 | -9,04 | 0,39 | 0,69 | 0,04 |

Bảng 3 thể hiện ước lượng trực nội dung của PAPI thông qua chuyển đổi ILR. Tiêu chí quan trọng để giảm tỉ lệ hộ nghèo là tiêu chí 4 (Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, mức ý nghĩa 0,1%) và tiêu chí 6 (Cung ứng dịch vụ công, mức ý nghĩa 10%). Tương tự, tiêu chí 4 (Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, mức ý nghĩa 0,1%) và tiêu chí 8 (Quản trị điện tử, mức ý nghĩa 5%) có tác động dương tới thu nhập bình quân đầu người cấp tỉnh.

4. Kết luận

Dựa trên hai chỉ tiêu kinh tế là tỉ lệ hộ nghèo cấp tỉnh và thu nhập bình quân đầu người theo tháng, nghiên cứu đã phân tích tác động của quản trị – hành chính công, thể hiện qua chỉ số PAPI, tới mức sống của người dân Việt Nam. Trong thời kì 2018 - 2021, chỉ số PAPI có xu hướng giảm nhẹ, phù hợp với bối cảnh ứng phó với đại dịch COVID-19 chưa có tiền lệ tại Việt Nam. Dù gặp nhiều biến động lớn về kinh tế - xã hội, nhưng với sự nỗ lực của các cấp chính quyền và người dân [22], tỉ lệ hộ nghèo có xu hướng giảm và thu nhập bình quân đầu người tăng qua từng năm.

Nhóm tác giả tìm ra ngưỡng điểm PAPI tác động đến tăng trưởng kinh tế: 41,41 điểm với tỉ lệ hộ nghèo và 43,98 điểm với thu nhập bình quân. Cụ thể, khi điểm PAPI cao vượt các ngưỡng này hay hoạt động quản trị – hành chính công tại một tỉnh được đánh giá càng tốt, tỉ lệ hộ nghèo có xu hướng giảm và thu nhập bình quân đầu người theo tháng tăng. Các kết quả nghiên cứu bổ sung bằng chứng thực nghiệm về vai trò quan trọng của quản trị công đối với sự phát triển trong giai đoạn mới so với các giai đoạn trước đó [9], [10]. Việc tăng vốn đầu tư về dịch vụ hỗ trợ và hoạt động hành chính có tác động tích cực tới chỉ tiêu tăng trưởng cấp tỉnh. Bên cạnh đó, các tiêu chí thành phần về kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, cung ứng quản trị điện tử và dịch vụ đóng vai trò quan trọng trong việc giảm tỉ lệ nghèo và tăng thu nhập lao động tại một địa phương.

Nghiên cứu cung cấp thêm các bằng chứng khoa học cho mối quan hệ giữa hoạt động thực thi quyền hành pháp của bộ máy chính quyền tới các yếu tố kinh tế – xã hội với ý nghĩa thống kê nhất định. Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể cần nỗ lực cải thiện chất lượng của hoạt động quản trị và hành chính công thông qua nhiều chính sách tinh giảm và làm trong sạch bộ máy, thu gọn các quy trình, thủ tục cũng như đẩy mạnh cung ứng dịch vụ công và quản trị điện tử. Bên cạnh đó, quá trình đánh giá hoạt động quản trị công đối với chỉ tiêu phát triển nên được tiếp tục nghiên cứu trong thời gian tới, thông qua kết hợp nhiều tiêu chí đánh giá từ những nguồn số liệu khác nhau và các mô hình kết hợp dữ liệu lớn trong bối cảnh chính quyền đang tiến hành đồng bộ chuyển đổi số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] U. A. General, *Sustainable development goals: SDGs Transform Our World 2030*, 2015.
- [2] E. Chetwynd, F. Chetwynd, and B. Spector, "Corruption and poverty: A review of recent literature,"

- Manag. Syst. Int.*, vol. 600, pp. 5-16, 2003.
- [3] United Nations Development Programme, Centre for Research and Training of the Viet Nam Fatherland Front, Centre for Community Support and Development Studies and Real-Time Analytics, *The 2020 Viet Nam Governance and Public Administration Performance Index (PAPI 2020): Measuring Citizens' Experiences*. Youth Publishing House, Viet Nam, 2021.
- [4] T. T. V. Vo, "Public governance, external debt and economic growth in developing countries," *J. Asian Bus. Econ. Stud.*, vol. 28, no. 12, pp. 41-60, 2020.
- [5] A.-A. Jairo, C. Nguyen, A. Tran, and P. Tung, "The urban-rural gap in governance and public administration: evidence from Vietnam," *Int. Public Manag. Rev.*, vol. 16, no. 1, pp. 165-191, 2015.
- [6] General Statistics Office, *Statistical yearbook of Vietnam 2020*. Statistical Publishing House, 2020.
- [7] General Statistics Office, *Report on Labour Force Survey 2020*. Statistical Publishing House, 2021.
- [8] General Statistics Office, *Results of the Vietnam Household Living Standards Survey 2018*. Statistical Publishing House, 2019.
- [9] C. V. Nguyen, L. T. Giang, A. N. Tran, and H. T. Do, "Do Good Governance and Public Administration Improve Economic Growth and Poverty Reduction? The Case of Vietnam," *Int. Public Manag. J.*, vol. 24, no. 1, pp. 131-161, 2021, doi: 10.1080/10967494.2019.1592793.
- [10] Q. T. Tran and V. H. Vu, "The Quality of Provincial Governance and Household Welfare: New Evidence from the Vietnam Household Living Standards Survey 2016," *Dev. Econ.*, vol. 249, no. 3, pp. 1-11, 2018.
- [11] T. Q. Tran and V. T. T. Dinh, "Provincial governance and financial inclusion: micro evidence from rural Vietnam," *Int. Public Manag. J.*, vol. 24, no. 6, pp. 792-812, 2021, doi: 10.1080/10967494.2021.1964009.
- [12] E. Malesky, T.-N. Phan, and A. Q. Le, "Do subnational performance assessments lead to improved governance? Evidence from a field experiment in Vietnam," *Fulbright Rev. Econ. Policy*, vol. 2, no. 2, pp. 117-135, 2022.
- [13] D. T. Si, "Renovating public governance in Vietnam, viewed from the balanced scorecard model," (in Vietnamese), *Journal of Asian Business and Economic Studies*, vol. 238, no. 8, pp. 26-32, 2010.
- [14] V. Pawlowsky-Glahn, J. J. Egozcue, and T.-D. Raimon, *Modeling and analysis of compositional data*. John Wiley & Sons, 2015.
- [15] General Statistics Office, *Statistical yearbook of Vietnam 2021*. Statistical Publishing House, 2021.
- [16] PAPI, "The Public Administration Performance Index Survey data," 2021. [Online]. Available: <https://papi.org.vn/eng/>. [Accessed January 15, 2023].
- [17] T. N. Nguyen, T. T. T. Dam, T. T. M. Nguyen, and T. H. Trinh, "Effect of livelihood diversity on rural household's income in Vietnam: A compositional data analysis approach," *TNU J. Sci. Technol.*, vol. 227, no. 12, pp. 86-95, 2022.
- [18] T. V. A. To, N. A. Pham, and T. H. Trinh, "Determinants of Vietnamese household expenditure for school education in 2020," *Can Tho Univ. J. Sci.*, vol. 58, no. 4, pp. 53-61, 2022.
- [19] T. N. Nguyen, T. T. M. Nguyen, T. T. T. Dam, and T. H. Trinh, "Impact of livelihood diversity on household income in rural areas in Vietnam," in *Proceedings of the "National Workshop on Quantitative Analysis of Economic and Social Issues in the Digital Environment"*, 2022, pp. 106-118.
- [20] J. Morais, C. Thomas-Agnan, and M. Simioni, "Interpretation of Explanatory Variables Impacts in Compositional Regression Models," *Austrian J. Stat.*, vol. 47, no. 5, pp. 1-25, 2018.
- [21] T. H. Nguyen, T. H. Y. Nguyen, D. M. D. Le, H. N. T. Vo, and T. V. Nguyen, "Relationship between government quality, economic growth and income inequality: Evidence from Vietnam," *Cogent Bus. & Manag.*, vol. 7, no. 1, 2020, Art. no. 1736847.
- [22] W. Bank, *How Will Vietnam Blossom? Reforming Institutions for Effective Implementation*. World Bank, 2021.